

Khác biệt giới trong dự định đầu tư của bố mẹ cho việc học của con cái

Nghiên cứu trường hợp tại xã Lộc Hòa, Nam Định

LÊ THUÝ HẰNG

I. Giới thiệu

Các số liệu thống kê gần đây về tình trạng đi học của trẻ em cho thấy những dấu hiệu đáng mừng về bình đẳng giới trong giáo dục. Khác biệt về tỉ lệ đi học ở các cấp học của trẻ em gái so với trẻ em trai có xu hướng giảm đáng kể. Tỉ lệ học lên cấp trung học phổ thông của trẻ em gái tăng dần lên và sự cách biệt về tỉ lệ này của trẻ em gái so với em trai giảm đáng kể, từ cách biệt 7% (năm 2000-2001) xuống còn 6,7% (năm 2001-2002); 1,2% (năm 2002-2003) và 0,5% (năm 2003-2004)¹. Liệu có còn bất bình đẳng giới về cơ hội giáo dục hay không? Nếu như vẫn còn thì trong điều kiện nào sự bất bình đẳng đó sẽ tăng lên hay giảm đi?

Khi xem xét vấn đề bất bình đẳng giới về cơ hội giáo dục, cần tìm hiểu vấn đề này từ góc độ gia đình bởi vì gia đình là nơi đưa ra các quyết định quan trọng ảnh hưởng đến cơ hội giáo dục mà các thành viên trong gia đình nhận được. Thông qua việc đưa ra các quyết định phân bổ thời gian và nguồn lực cho việc đi học của con, cha mẹ có thể làm tăng thêm hay giảm bớt bất bình đẳng giới về cơ hội giáo dục ngay trong gia đình họ cũng như ở ngoài xã hội. Trong các nhóm tuổi đến trường, nhóm tuổi từ 12-17 là nhóm đang chuẩn bị hay vừa mới bước vào độ tuổi lao động tức là nhóm tuổi nhận được sự quan tâm và định hướng việc học từ phía cha mẹ nhiều hơn do đó dự định đầu tư cho việc đi học của con trong độ tuổi 12-17 có thể sẽ phản ánh rõ nhất khác biệt giới trong việc dự định đầu tư việc học. Vì lẽ đó, bài viết này hướng đến việc mô tả dự định của cha mẹ trong việc đầu tư cho việc đi học của con độ tuổi 12-17 tuổi để góp phần làm sáng tỏ câu hỏi có còn sự khác biệt giới trong vấn đề đầu tư giáo dục cho con không. Ngoài ra, bài viết này sẽ phân tích những yếu tố giảm bớt hay duy trì bất bình đẳng về cơ hội được giáo dục giữa con trai và con gái.

Số liệu sử dụng trong bài viết này là từ nghiên cứu “Đời sống kinh tế - xã hội ở Lộc Hòa, Nam Định” do Học viên Khóa đào tạo Phương pháp nghiên cứu Khoa học xã hội liên ngành thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam thực hiện, tháng 8/2005. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành phỏng vấn bằng bảng hỏi 342 hộ có chủ hộ sinh sau năm 1945 đồng thời thực hiện một số cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm cha mẹ có con trong độ tuổi 12-17.

¹ Nguồn: Báo cáo định kỳ ngành giáo dục, Báo cáo định kỳ ngành thống kê, trích theo Số liệu Thống kê giới của Việt Nam những năm đầu thế kỷ 21.

II. Kết quả nghiên cứu

1. Khác biệt giới trong dự định đầu tư cho việc đi học của con

Kết quả nghiên cứu ở Lộc Hòa cho thấy phần đông trẻ em (57,2%) được cha mẹ dự định đầu tư học lên cao đẳng và đại học, chỉ một số ít trẻ em (10,5%) cha mẹ dự định chỉ cho học hết lớp 12 và vẫn còn khoảng gần 1/3 trẻ cha mẹ chưa có dự định rõ ràng (xem Bảng 1). Nguyên nhân của tình trạng này là do các bậc cha mẹ cho rằng hiện nay học vắn hết lớp 12 mới chỉ là đạt được yêu cầu tối thiểu trong quá trình tuyển dụng. Việc hoàn thành các bậc học cao hơn, chẳng hạn như cao đẳng và đại học, sẽ giúp con cái họ mở rộng hiểu biết, đạt được trình độ chuyên môn nghề nghiệp cao và thành đạt trong cuộc sống sau này.

Tôi thì nghĩ rằng bây giờ ít ra thì cũng phải học hết lớp 12. Dù là đi cao đẳng, sư phạm hay đại học thì cũng phải học hết lớp 12. Chính vì vậy mà vẫn muốn cố cho các cháu đi học. (Nữ, trình độ 10/12, phụ xây dựng, nghề, Phú Ốc 2, Lộc Hòa).

Xu hướng chung của xã hội là cần học đại học. Tôi nghĩ rằng xã hội sau này nó sẽ tiến lên thì cái bằng đại học cũng không phải là cao lắm mà có thể phải từ cao học trở lên thì mới đáp ứng được nhu cầu của xã hội sau này... Có học tất nhiên có nghề nghiệp chuyên môn thì thuận lợi cho con em mình. Chỉ là mang lại cái cuộc sống, công ăn việc làm tốt hơn. Có chuyên môn thì người ta phải trưng dụng nó nhiều hơn. (Nữ, phụ xây dựng, kinh tế trung bình, Tân An 1, Lộc Hòa).

Bảng 1: Dự định của cha mẹ về việc đầu tư cho việc đi học của con

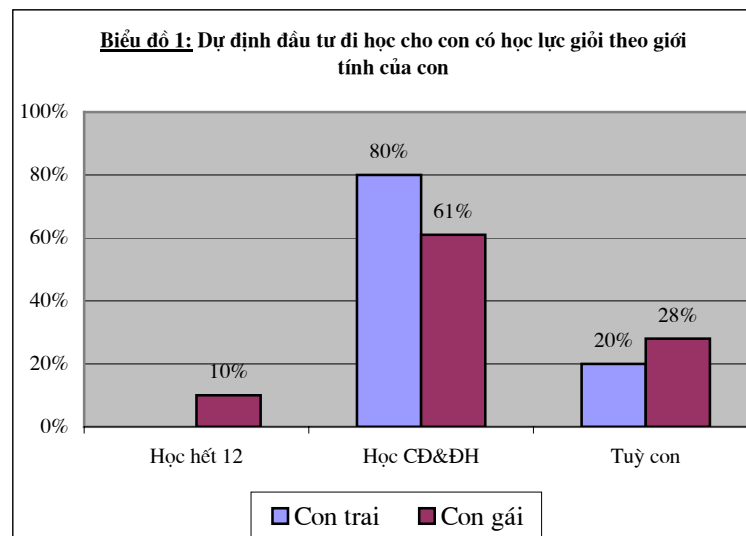
Dự định đầu tư cho việc đi học	Học hết 12	Học cao đẳng và đại học	Tùy con	Số lượng
<i>Chung</i>	10,5%	57,2%	32,2%	276
<i>Theo giới tính của con *</i>				
1. Con trai	6,5%	61,2%	32,3%	139
2. Con gái	14,6%	53,3%	31,1%	137
<i>Theo học lực của con **</i>				
1. Học t.bình & kém	21,1%	38,6%	40,4%	57
2. Học khá	8,8%	57,6%	33,6%	125
3. Học giỏi	6,4%	68,1%	25,5%	94
<i>Theo ĐK kinh tế gia đình ***</i>				
4. Nghèo	22,2%	36,7%	41,1%	90
5. Trung bình	8,2%	60,9%	30,9%	110
6. Khá	-	79,5%	20,5%	73
<i>Theo học vắn của cha mẹ **</i>				
1. Dưới lớp 10	15%	50%	34,6%	127
2. Từ lớp 10 trở lên	5,6%	63,9%	30,6%	144

Ghi chú: * $p \leq 0,079$; ** $p \leq 0,01$; *** $p \leq 0,001$

So sánh dự định đầu tư cho việc học của con trai so với của con gái có thể thấy hiện nay con trai vẫn được cha mẹ ưu tiên dự định đầu tư cho học lên các cấp học cao nhiều hơn con gái (xem Bảng 1). Tỷ lệ dự định đầu tư học cao đẳng và đại học cho con trai là 61,2% trong khi đó tỷ lệ này cho con gái là 53,3%. Kiểm tra mối quan hệ giữa

học lực và dự định đầu tư cho việc học cho thấy rằng con có học lực càng cao thì được cha mẹ dự định đầu tư học lên cao đẳng và đại học càng nhiều. Tỷ lệ dự định đầu tư cho con học lên cao đẳng và đại học là 38,6% đối với con có học lực trung bình và kém tăng dần lên 57,6% đối với nhóm con có học lực khá và lên tới 68,1% đối với nhóm con có học lực giỏi. Dự định của cha mẹ không đơn thuần là những mong muốn chủ quan mà có thể còn xuất phát từ khả năng học của con. Theo lô gíc trên, việc cha mẹ dự định đầu tư học lên cao đẳng và đại học cho con gái thấp hơn cho con trai có thể là do học lực của con gái thấp hơn của con trai chứ chưa chắc là do cha mẹ có định kiến giới.

Tuy nhiên, kết quả sau khi đưa thêm biến giới tính vào trong mối quan hệ giữa dự định đầu tư cho việc học và học lực của con (xem Biểu đồ 1) cho thấy cùng là học lực giỏi nhưng cha mẹ dự định đầu tư cho con trai và con gái cũng khác nhau đáng kể ($p=0,078$). Con trai được cha mẹ quan tâm và dự định cho học cao nhiều hơn so với con gái. Tỷ lệ dự định đầu tư cho con có học lực giỏi học lên cao đẳng và đại học ở nhóm con trai rất cao - là 80% trong khi đó tỷ lệ này ở nhóm con gái chỉ là 61%. Nếu con trai học giỏi cha mẹ sẽ dự định không chỉ đầu tư cho học hết lớp 12 - bậc học tối thiểu cần thiết cho tuyển dụng, trong khi đó nếu con gái học giỏi vẫn còn 10% trường hợp không được dự định chỉ đầu tư học hết bậc học tối thiểu cần thiết.



Ý kiến của các bậc cha mẹ lý giải về dự định đầu tư cho việc đi học của con chứng tỏ định kiến về giới hiện nay vẫn còn tồn tại và ảnh hưởng đến quan niệm và các quyết định của cha mẹ. Nhiều bậc cha mẹ vẫn nhìn nhận con trai là mạnh mẽ và giỏi giang, còn con gái thì yếu đuối và nhút nhát. Con trai được cha mẹ trông đợi là chỗ dựa về vật chất và tinh thần khi về già và là người sẽ làm cho bố mẹ vinh hiển, trong khi đó mong mỏi lớn nhất đối với con gái là lớn lên lấy được chồng. Vì thế mà ngay cả khi con gái học giỏi thì cha mẹ vẫn ít quan tâm và chưa dành sự đầu tư ngang bằng như đối với con trai.

"Tất nhiên phải ở với con trai rồi chứ không thể ở với con gái vì nói chung là nó có cái luật từ xưa đến giờ rồi ở thì không ai ở với con gái, vì con gái xuất giá đi lấy chồng thì không ai ở với con gái". (Nữ, nông dân, kinh tế trung bình, Lương Xá 2, Lạc Hòa).

"Tôi thì nghĩ là nên đầu tư cho con trai hơn con gái. Vì con gái nó thường là yếu đuối, con trai thì bao giờ nó cũng mạnh mẽ hơn mà nói năng thì hơn con gái. Con gái thì nhiều khi nó còn dụt dè nên chắc là nó chẳng làm gì được đâu. Nói thì cứ bảo là nhìn con trai con gái nó khác nhau chứ chỉ có con trai nó mới biết phát huy hơn nên là nên đầu tư cho con trai hơn. Nếu chị hỏi đầu tư cho con nào hơn thì cho con trai là hơn rồi". (Nữ, nông dân, tuổi 43, kinh tế trung bình, Lương Xá 2, Lộc Hòa)

Như vậy, hiện nay vẫn tồn tại khác biệt giới trong dự định đầu tư cho việc đi học của trẻ 12-17 tuổi. Những định kiến truyền thống về khả năng và vai trò khác nhau giữa con trai và con gái phần nào vẫn tồn tại và tạo nên những khác biệt giới về cơ hội giáo dục, cụ thể hơn là dự định đầu tư cho giáo dục. Tuy nhiên, định kiến giới có là hiện tượng phổ biến hay chỉ trong những điều kiện nhất định thì nó mới xuất hiện là vấn đề cần được tiếp tục làm rõ.

2. Quan hệ giữa điều kiện kinh tế gia đình, trình độ học vấn của cha mẹ và khác biệt giới trong dự định đầu tư cho việc đi học

Khi tìm hiểu vấn đề đi học và bỏ học, các nghiên cứu trước đây (Võ Thanh Sơn và cộng sự, 2001; Belanger và Liu, 2004) đã chỉ ra rằng điều kiện kinh tế gia đình và trình độ học vấn của cha mẹ là những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến việc đi học và bỏ học của trẻ. Điều kiện kinh tế gia đình và trình độ học vấn của cha mẹ càng cao thì tỉ lệ đi học của trẻ càng tăng và ngược lại tỉ lệ bỏ học càng giảm. Vì lẽ đó, khi tìm hiểu các điều kiện làm tăng thêm hay giảm đi khác biệt giới trong dự định đầu tư cho việc đi học cần tính đến các yếu tố này.

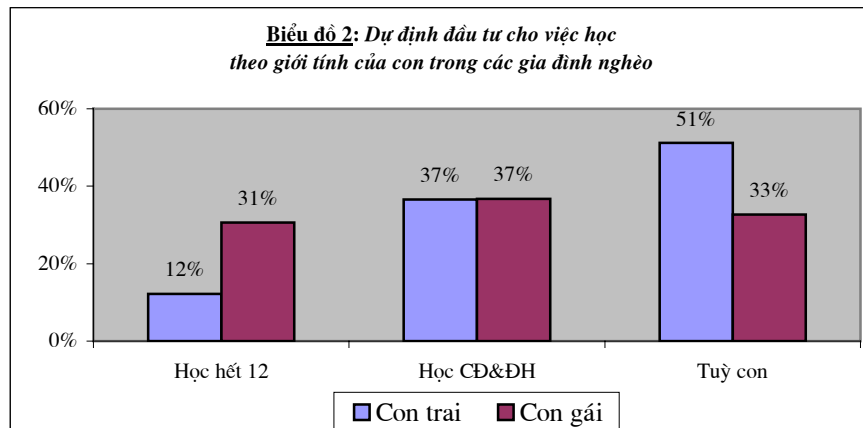
a. Điều kiện kinh tế gia đình và dự định đầu tư cho việc đi học của con

Tương tự với các kết quả nghiên cứu trước đây của Võ Thanh Sơn và cộng sự (2001) và Belanger và Liu (2004), số liệu từ nghiên cứu ở Lộc Hòa cho thấy mối quan hệ có ý nghĩa thống kê giữa điều kiện kinh tế gia đình và dự định đầu tư cho việc đi học của con. Kinh tế gia đình càng khá thì con cái được cha mẹ dự định cho học lên cao đẳng và đại học càng nhiều hơn. Tỉ lệ này đạt cao nhất là 79,5% ở nhóm kinh tế khá giả, sau đó giảm dần xuống 60,9% ở nhóm kinh tế trung bình và còn 36,7% ở nhóm nghèo. Hơn nữa, khi kinh tế khá giả, cha mẹ không dự định đầu tư cho con "chỉ học hết lớp 12". Yếu tố kinh tế có quan hệ chặt với dự định đầu tư cho việc đi học, nhưng trong những điều kiện kinh tế khác nhau thì khác biệt giới về dự định đầu tư có khác nhau hay không?

Việc đưa thêm biến điều kiện kinh tế gia đình để tìm hiểu khác biệt giới trong dự định đầu tư cho việc đi học cho thấy kết quả rất lý thú. Trong những điều kiện kinh tế gia đình khác nhau thì khác biệt giới về dự định đầu tư cho việc đi học cũng khác nhau. Ngoại trừ nhóm điều kiện kinh tế gia đình ở mức nghèo, trong các nhóm kinh tế trung bình và khá thì không có sự khác biệt trong dự định đầu tư cho con trai và cho con gái. Trong nhóm gia đình kinh tế khó khăn, con gái được dự định chỉ học hết lớp 12 - bậc học cần thiết tối thiểu theo quan niệm của các bậc cha mẹ, nhiều hơn so với con trai (xem Biểu đồ 2).

Cụ thể, tỉ lệ dự định cho con học hết lớp 12 của con gái là 31% - cao hơn rất nhiều so với tỉ lệ này của con trai (12%). So với toàn bộ mẫu nghiên cứu thì tỉ lệ dự

định cho con chỉ học hết 12 ở nhóm kinh tế nghèo cao hơn rất nhiều (22,2% so với 10,5%; xem Bảng 1). Tuy nhiên, cùng là ở nhóm nghèo nhưng mức tăng lên này trong nhóm con gái cao hơn nhóm con trai. Tỷ lệ dự định chỉ học hết lớp 12 của con gái trong nhóm gia đình nghèo tăng 2,2 lần (từ 14,6% tăng lên 31%) trong khi đó tỷ lệ này ở nhóm con trai tăng lên 1,8 lần (từ 6,5% lên 12%). Một điều đáng lưu ý nữa là tỷ lệ được dự định đầu tư theo nguyện vọng của con trai cao hơn rất nhiều tỷ lệ này ở con gái, 51% so với 33%. Có khả năng con trai có học lực không bằng con gái nhưng cha mẹ vẫn hy vọng và dành cho con trai nhiều cơ hội cố gắng và phấn đấu hơn.



Khi nói về vấn đề đầu tư cho việc đi học của con, nhiều ý kiến của cha mẹ cho rằng kinh tế gia đình đóng vai trò quyết định. Hiện nay gia đình phải chi trả toàn bộ chi phí cho việc đi học của con cái và chi phí đó chiếm một phần đáng kể trong chi tiêu của cả gia đình. Học càng cao thì chi phí cho việc đi học càng tăng. Đối với các gia đình có điều kiện kinh tế khá giả thì họ có thể đầu tư cho việc học của con một cách dễ dàng nhưng đối với các gia đình kinh tế khó khăn hay có nhiều con đang đi học thì tiền học phí của con thực sự là gánh nặng. Chính vì điều đó, khi kinh tế gia đình ở mức nghèo và cần phải cân nhắc để đưa ra quyết định đầu tư cho việc học của con, cha mẹ có thể đã so sánh hiệu quả đầu tư cho con trai với hiệu quả đầu tư cho con gái. Đây chính là lúc định kiến giới có ảnh hưởng chi phối các quyết định của cha mẹ.

"Cái này (muốn con học cao) là trào lưu của xã hội rồi. Ở địa phương chúng tôi thì hầu như là gia đình nông nghiệp cho nên cái quan trọng vẫn là kinh tế... Thế nên, mức độ chi phí học hành để lên được mức cao là đại học và trên đại học thì cũng còn nhiều gia đình cảm thấy phải đối mặt về kinh tế đấy... Xuất phát cũng chỉ là từ kinh tế chúng tôi cũng mong muốn cho các cháu học cao nhưng kinh tế nó khó khăn quá hay là quá eo hẹp". (Nam, nông dân, kinh tế trung bình, Lương Xá 2, Lộc Hòa).

"Xã hội bây giờ cái gì học cũng phải tiền. Đã học cao là phải tốn kém hơn nhiều. Chúng tôi cũng suy nghĩ rất nhiều về vấn đề kinh tế. Nhưng đến khi ra trường cũng lại phải có tiền thì mới vào được những chỗ thoải mãn ý muốn. Cũng nhiều cháu học xong rồi 'học các trường cao đẳng và đại học' lại đi làm may đấy vì không xin được việc". (Nữ, phụ xây dựng, kinh tế trung bình, Tân An 1, Lộc Hòa).

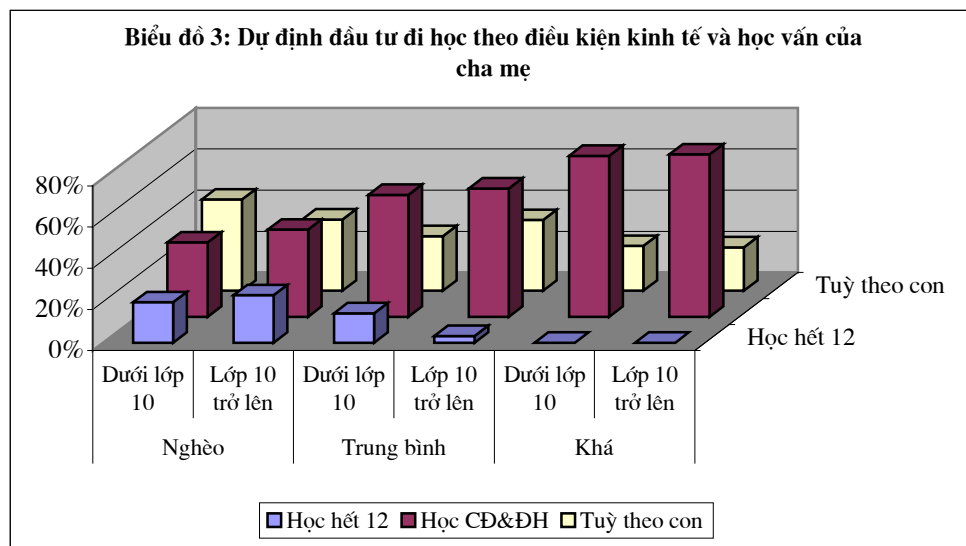
Định kiến giới vẫn còn tồn tại, mặc dù đã có những đổi thay quan trọng như việc giảm số con của mỗi cặp vợ chồng, mức sống của các hộ được nâng lên do có sự

đóng góp nhiều hơn của người phụ nữ và hiểu biết về bình đẳng giới được nâng lên qua việc thông tin tuyên truyền. Thực tế là khả năng và vai trò của con trai và con gái vẫn được nhìn nhận là khác biệt. Con trai được cha mẹ coi là giỏi giang và có khả năng hơn con gái. Con trai được cha mẹ trông đợi và kỳ vọng sẽ thành đạt nhiều hơn con gái. Hầu hết các bậc cha mẹ (67,4%) khi được hỏi đều cho rằng cần hướng dẫn hay phát triển con trai thành người đảm đương, gánh vác những công việc nặng nhọc và vất vả trong gia đình và ngoài xã hội. Chính vì vậy, khi mà kinh tế hộ gia đình còn có khó khăn và chi phí giáo dục còn là gánh nặng đối với các bậc cha mẹ thì định kiến giới có ảnh hưởng đáng kể đến cơ hội đi học của trẻ em gái. Việc đi học lên các cấp học cao của trẻ em gái trong các gia đình nghèo là “xa xỉ” hay “không cần thiết”.

b. Trình độ học vấn của cha mẹ và dự định đầu tư cho việc đi học

Số liệu Bảng 1 cho thấy học vấn của cha mẹ càng cao thì dự định cho con học cao đẳng và đại học càng nhiều và dự định chỉ học hết lớp 12 càng ít. Tỷ lệ dự định cho con học lên cao đẳng và đại học ở nhóm cha mẹ có học vấn từ lớp 10 trở lên là 63,9%, trong khi đó tỷ lệ này ở nhóm cha mẹ có học vấn dưới lớp 10 chỉ đạt 50,4%. Tỷ lệ dự định chỉ đầu tư cho con học hết lớp 12 trong nhóm con có cha mẹ học từ lớp 10 trở lên là 5,6%, trong khi tỷ lệ này ở nhóm con có cha mẹ học vấn dưới lớp 10 là 15%.

Thông thường, điều kiện kinh tế gia đình và học vấn của cha mẹ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Những gia đình kinh tế khá giả cũng thường là các gia đình cha mẹ có trình độ học vấn cao trên lớp 10. Như vậy, có thể mối liên hệ giữa học vấn của cha mẹ với dự định đầu tư cho việc học của con đã bị ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế gia đình. Để kiểm tra điều này tôi đưa thêm biến tình trạng kinh tế gia đình trong mối quan hệ dự định đầu tư cho việc học và học vấn của cha mẹ. Kết quả thể hiện trong biểu đồ 3.



Số liệu trên Biểu đồ 3 cho thấy cả 3 nhóm điều kiện kinh tế đều không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p > 0,1$) về định đầu tư cho việc học giữa các nhóm cha mẹ khác nhau về trình độ học vấn. Tỷ lệ dự định đầu tư cho con học lên cùng một cấp

học là tương tự nhau ở các nhóm trẻ có cha mẹ trình độ học vấn khác nhau. Như vậy, kết quả nghiên cứu chưa đủ để khẳng định rằng yếu tố học vấn của cha mẹ có ảnh hưởng đến dự định đầu tư cho việc học của cha mẹ đối với con.

III. Kết luận

Kết quả nghiên cứu ban đầu cho thấy dù trình độ học vấn của cha mẹ và điều kiện kinh tế gia đình như thế nào thì các bậc cha mẹ đều quan niệm rằng trình độ học vấn là chìa khoá quan trọng mở ra các cơ hội nghề nghiệp và tương lai cho con cái họ. Nhìn chung, học vấn hết lớp 12 được nhìn nhận là bậc học tối thiểu cần hoàn thành để được tuyển dụng. Từ mong muốn con có cuộc sống tốt đẹp hơn bố mẹ, phần lớn cha mẹ mong đợi con học lên cao đẳng và đại học.

Tương tự như các phát hiện trước đây của Trương Sỹ Anh (1995), Lê Mạnh Năm (2000), Hoàng Gia Trang (2001) và Belanger và Liu (2004), kết quả nghiên cứu ở Lộc Hòa cho thấy vẫn có sự khác biệt giới trong dự định đầu tư cho việc đi học của con. Con trai được cha mẹ dự định cho học cao nhiều hơn con gái. Ngay cả khi con gái học giỏi hơn thì vẫn không được cha mẹ quan tâm và dự định đầu tư học cao như con trai.

Tuy nhiên, hiện nay sự phân biệt giới về dự định đầu tư giáo dục chỉ thể hiện trong các gia đình kinh tế khó khăn mà thôi. Có lẽ việc giảm số con của mỗi cặp vợ chồng, cải thiện mức sống gia đình, gia tăng sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động kinh tế và tích cực triển khai các chương trình bình đẳng giới đã góp phần giảm bớt những định kiến giới và tạo nên cơ hội đi học ngày càng bình đẳng hơn cho trẻ em gái. Chỉ trong các gia đình nghèo, khi vấn đề đầu tư cho việc đi học còn là gánh nặng thì định kiến giới có ảnh hưởng rõ rệt đến dự định đầu tư cho việc đi học. Giống như phát hiện của Belanger và Liu (2004) và Behrman và Knowles (1999), việc đi học của trẻ em gái trong gia đình nghèo có vẻ như là “xa xỉ hơn” hay “không cần thiết bằng” việc đi học của trẻ em trai, và đó có thể là vì trẻ em gái bị coi là thua kém về khả năng so với trẻ em trai hoặc là vì trẻ em trai được coi trọng hơn.

Điều đáng lưu ý là trong khi các nghiên cứu trước đây (Võ Thanh Sơn và cộng sự, 2001; Belanger và Liu, 2004) khẳng định rằng cha mẹ có trình độ học vấn cao hơn thì quan tâm và coi trọng việc giáo dục cho con cái hơn, kết quả nghiên cứu này lại cho thấy học vấn của cha mẹ không có ảnh hưởng đáng kể đến dự định đầu tư cho việc đi học của con. Không có sự khác biệt nào về dự định đầu tư cho việc học giữa các nhóm con có cha mẹ trình độ học vấn khác nhau. Nguyên nhân có thể là do dự định đầu tư cho việc học còn có một khoảng cách nhất định so với việc đi học của trẻ trên thực tế. Người ta thường mong muốn hoặc dự định nhiều hơn điều kiện có thực, do đó giữa các bậc cha mẹ có trình độ học vấn khác nhau thì mong muốn và dự định có thể không khác nhau đáng kể. Lý do khác có thể là do chỉ báo học vấn của cha mẹ trong nghiên cứu này khác với các nghiên cứu trước đây và mẫu của nghiên cứu này quá nhỏ so với mẫu của các nghiên cứu trước.

Những phát hiện từ nghiên cứu ở Lộc Hòa tuy chưa cho một bức tranh toàn cảnh về bình đẳng giới về giáo dục nhưng đã cung cấp những bằng chứng phần nào

cho thấy sự bất bình đẳng giới về cơ hội giáo dục. Đằng sau những nỗ lực về giảm sinh, phát triển kinh tế hộ và thực hiện quyền của phụ nữ, vấn đề bất bình đẳng giới trong giáo dục tuy vẫn còn nhưng thực sự không còn là vấn đề nghiêm trọng nữa. Duy nhất trong nhóm nghèo, trẻ em gái có sự thua thiệt về cơ hội đi học hơn so với trẻ em trai. Điều này gợi mở ra rằng vẫn cần tiếp tục xoá bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục - khác với quan niệm của Knodel (1996) cho rằng khác biệt giới trong giáo dục ở các nước đang phát triển không còn là vấn đề cần quan tâm nữa và nên tập trung chính sách vào việc xoá đói giảm nghèo thông qua đó bất bình đẳng giới sẽ được giải quyết. Rõ ràng là vẫn cần có các chương trình và các hoạt động xoá bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục tuy nhiên nên tập trung vào các nhóm dễ tổn thương như các nhóm nghèo, các nhóm vùng sâu vùng xa, vùng lạc hậu về phát triển kinh tế xã hội - những nhóm có khả năng vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của các định kiến giới.

Tài liệu tham khảo

1. Belanger, Daniele and Liu, Jianyc: *Social policy reforms and daughter's schooling in Vietnam*. International Journal of Education Development No.24, 2004.
2. Hoàng Gia Trang: *Thực trạng tiếp cận giáo dục của trẻ em gái nông thôn* (Qua một số điểm nghiên cứu ở Vĩnh Phúc). Tạp chí *Khoa học về Phụ nữ*, số 5/2001.
3. Knodel, J., John, G.W., 1996: *Post-Cairo population policy: does promoting girl's schooling miss mark?* Population and Development Review 22.
4. Nguyễn Thị Kim Hoa: *Người phụ nữ và gia đình nông thôn với việc giáo dục tri thức và định hướng nghề nghiệp cho con*. Tạp chí *Khoa học về Phụ nữ*, số 2/2000.
5. Nguyễn Thị Vân Anh: *Sự thay đổi cơ cấu ngành nghề và việc chăm sóc, giáo dục trẻ em: Khảo sát tại một xã ven đô*. Tạp chí *Xã hội học* số 4/1998.
6. Tổng cục Thống kê, Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, UNDP và Đại sứ quán Vương quốc Hà Lan: *Số liệu thống kê giới của Việt Nam những năm đầu thế kỷ 21*. Nxb Phụ nữ - 2005.
7. Trần Đan Tâm và Nguyễn Vi Nhuận: *Những biến đổi xã hội ở vùng ven đô thành phố Hồ Chí Minh dưới áp lực đô thị hoá*. Tạp chí *Xã hội học* số 1/2000.
8. Trịnh Duy Luân: *Phát triển xã hội ở Việt Nam - Một cái nhìn tổng quan xã hội học năm 2000*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 2002.
9. Trương Sĩ Anh., Knodel, J., D., Friedman., 1995: *Educcation in Vietnam: Trends ang Differences*. Population Studies Center, Michigan.
10. UNDP và Tổng cục thống kê: *Mức sống trong thời kỳ bùng nổ kinh tế Việt Nam*. Nxb Thống kê - 2001.
11. Vũ Tuấn Huy: *Sự biến đổi và liên tục của gia đình nông thôn Việt Nam*. Tạp chí *Xã hội học* số 1/2002.